TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 22/4/2020
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Hiệu.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/HNGĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ- PT ngày 30 tháng 3 năm 2020.

1.Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1975 .

Địa chỉ: SN 21, đường 3 phố Nguyên Hồng, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: SN 153 phố Trịnh Khả, phường Đông vệ, thành phố Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, 1975.

Địa chỉ: SN 21, đường 3 phố Nguyên Hồng, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N và chị T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Về hôn nhân:*

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Văn N trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống năm 2013, đến tháng 11/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa. Thời gian chung sống hòa thuận đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách, chị T không tôn

trọng chồng và gia đình chồng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, do đó từ tháng 6/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2019 và quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị Bích T thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như anh N trình bày là đúng. Chị thừa nhận năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có những bất đồng trong cuộc sống nhưng nhưng chưa đến mức trầm trọng. Chị xét thấy tình cảm với anh N vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

* *Về con chung:* Anh chị thống nhất khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Nam P, sinh ngày 28/6/2014, ly hôn hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, anh N không yêu cầu cấp dưỡng, chị T yêu cầu nếu chị nuôi con anh N phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ.

**Về tài sản và công nợ chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Công nhận cháu Đỗ Nam P, sinh ngày 28/6/2014 là con chung của anh N và chị T, giao cháu Phong cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 12/2019 trở đi cho đến khi cháu Nam Phong đủ tuổi thành niên. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, chị Nguyễn Thị Bích T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

- Chị vẫn còn tình cảm với anh N, quan hệ giữa chị với gia đình chồng vẫn tốt đẹp nên không đồng ý ly hôn, do đó không đồng ý chia con.

- Về tài sản, công nợ: Tại giai đoạn thụ lý chị đã xuất trình chứng cứ về khoản nợ chung của em chồng (chị Đỗ Thị Nhung) là 270.000.000đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận và không xem xét là trái pháp luật.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn ly hôn của anh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị T không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận với nhau với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị T về việc không đồng ý ly hôn anh Đỗ Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Anh N và chị T chung sống với nhau có tổ chức cưới tháng 12/2013, trước đó anh N đã ly hôn và có 03 con riêng. Đến tháng 11/2014 anh N, chị T có đến đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận năm 2017 hai bên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Theo chị T vợ chồng có có va chạm nhưng chưa đến mức trầm trọng và chị vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại khu phố nơi anh chị chung sống và Lấy lời khai đại diện hai bên gia đình nội, ngoại, cụ thể: Biên bản xác minh ngày 08/11/2019 tại khu phố không nghe phản ánh về việc vợ chồng mâu thuẫn, cho đến tháng 9/2019 khi anh N báo cáo và có đơn ly hôn, Khu phố đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả (BL35). Theo bà Tạ Thị X (mẹ chồng chị T) thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính cách quan điểm bất đồng, không ai chịu nhường nhịn ai, anh N ở tại chỗ làm còn chị T vẫn ở tại nhà chồng (BL59); theo ông Nguyễn Xuân C, bà Tạ Thị H (bố, mẹ đẻ của chị T) thì anh N có lần phàn nàn về cách cư xử của chị T với con riêng của anh, ngoài ra ông bà có nghe hàng xóm kể về việc chị Ngọc có lần đánh ghen ở chợ và đã được ông bà khuyên giải (BL60).

Như vậy các tài liệu, chứng cứ đều phản ánh mâu thẫn vợ chồng là có thật, theo trình bày của hai bên tại phiên tòa phúc thẩm thì nguyên nhân chính xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị T với các con riêng của anh N dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, hai bên quan điểm bất đồng, không ai chịu nhường nhịn ai và không thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả và trên thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Bản thân chị T cho rằng còn tình cảm nhưng không có biện pháp gì để thu xếp cải thiện quan hệ vợ chồng và cải thiện quan hệ giữa chị với các con chồng, anh N đã ra khỏi nhà từ năm 2017 đến nay nhưng chị không biết hiện nay anh ở địa chỉ nào. Xét tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho anh N được ly hôn chị T là phù hợp, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của chị T xin đoàn tụ.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Nam P, sinh ngày 28/6/2014, hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, chị T yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Căn cứ nguyện vọng của chị T Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Phong cho chị nuôi và buộc anh N cấp dưỡng mỗi tháng

1.500.000đ là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đề nghị nếu ly hôn chị tiếp tục xin nuôi con, do đó cần tiếp tục giữ nguyên phần giao con và mức cấp dưỡng như bản án sơ thẩm đã xử.

[3] Về tài sản, công nợ: Trong đơn kháng cáo chị T cho rằng tại giai đoạn thụ lý chị có nộp tài liệu về việc vay nợ của em chồng là chị Đỗ Thị Nhung 270.000.000đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận và không giải quyết là không có cơ sở, bởi lẽ trong Bản tự khai cũng như Biên bản hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ (BL21,29,30), do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của chị T sau khi ly hôn, chị có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết quan hệ tài sản và công nợ với anh N trong vụ án khác.

[4] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị T phải chịu án phí Ly hôn phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Về hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Công nhận cháu Đỗ Nam P, sinh ngày 28/6/2014 là con chung của anh N và chị T, giao cháu Đỗ Nam P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm ngàn đồng)* kể từ tháng 12/2019 trở đi cho đến khi cháu Phong đủ tuổi thành niên. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền yêu cầu giải quyết với anh Đỗ Văn N trong vụ án khác.

-Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải nộp 300.00đ án phí Ly hôn phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số AA/2018/0000754 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh